THỰC HÀNH VỀ SỬ DỤNG MỘT SỐ KIỂU CÂU TRONG VĂN BẢN

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Củng cố và nâng cao thêm những hiểu biết về cấu tạo và cách sử dụng của một số kiểu câu thường dùng trong văn bản tiếng Việt.

– Biết phân tích, lĩnh hội một số kiểu câu thường dùng, biết lựa chọn kiểu câu thích hợp để sử dụng khi nói và viết.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

– Đây là bài thực hành. Toàn bộ bài học chỉ tiến hành luyện tập thực hành để củng cố và nâng cao những kiến thức và kĩ năng về một số kiểu câu mà HS đã được học ở chương trình THCS.

– Các ngữ liệu đều lấy từ các văn bản văn học.

– Cần vận dụng những mô hình cấu tạo câu để phân tích, lĩnh hội và để tạo lập câu, phục vụ cho nhu cầu biểu hiện nội dung trong từng ngữ cảnh giao tiếp cụ thể.

2. Trọng tâm bài học

– GV cần gợi dẫn để HS nhớ lại và huy động những hiểu biết về một số kiểu câu trong bài : kiểu câu bị động, kiểu câu có khởi ngữ, kiểu câu có thành phần phụ (trạng ngữ) chỉ tình huống. Các kiểu câu này, HS đã được học ở chương trình Ngữ văn lớp 7 và phần nào ở chương trình Ngữ văn lớp 8. Ở đây tập hợp ba kiểu câu vào một bài vì chúng có một điểm chung : Các thành phần ở đầu ba kiểu câu thường làm nhiệm vụ thể hiện một nội dung thông tin đã biết từ những câu đi trước, do đó chúng còn có vai trò liên kết và tạo mạch lạc cho đoạn văn, cho văn bản. Các bài tập trong bài thường có những câu hỏi để gợi dẫn HS nhớ lại, củng cố và nâng cao hiểu biết về các kiểu câu, sau đó phân tích tác dụng liên kết văn bản của mỗi kiểu câu.

– Bài học coi trọng phần kĩ năng sử dụng mỗi kiểu câu. Vì vậy, cần chú ý tới tác dụng của mỗi kiểu câu, điều kiện và mục đích sử dụng mỗi kiểu câu. Những vấn đề

này đều gắn với ngữ cảnh, với văn bản. Nên ở mỗi bài tập, mỗi câu đều được đặt trong cả đoạn, không phải ở dạng tách rời, biệt lập... Khi phân tích, GV cần lưu ý HS dựa vào ngữ cảnh, và mỗi nhận xét hay kết luận đều cần căn cứ vào những cơ sở đó.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

GV có thể cho HS tiến hành làm bài tập theo các hình thức :

– Từng cá nhân làm.

– Thảo luận theo nhóm, tổ.

– Thi giải bài tập giữa các bàn, các nhóm, các tổ.

Dù theo hình thức nào thì cuối cùng GV cũng cần chốt lại những nhận xét, những kết luận và đáp án cho mỗi bài.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

GV lần lượt cho HS làm các bài tập, ở mỗi bài có thể giải thích rõ yêu cầu và mục đích cơ bản.

DÙNG KIỂU CÂU BỊ ĐỘNG

Bài tập 1

– Câu bị động : *Hắn chưa được một người đàn bà nào yêu cả.*

Mô hình chung của kiểu câu bị động : Đối tượng của hành động – động từ bị động (*bị, được*) – chủ thể của hành động – hành động.

– Chuyển sang câu chủ động : *Chưa một người đàn bà nào yêu hắn cả.*

Mô hình chung của câu chủ động : Chủ thể hành động – hành động – đối tượng của hành động.

– Thay câu chủ động vào đoạn văn và nhận xét : Câu không sai nhưng không nối tiếp ý và hướng triển khai ý của câu đi trước. Câu đi trước trong đoạn đang nói về "hắn", chọn "hắn" làm đề tài. Vì thế, câu tiếp theo nên tiếp tục chọn "hắn" làm đề tài. Muốn thế cần viết câu theo kiểu câu bị động. Còn ở vị trí đó, nếu viết câu theo kiểu chủ động thì không tiếp tục đề tài về "hắn" được mà đột ngột chuyển sang nói về "một người đàn bà nào".

Về câu bị động, GV nhắc HS nhớ lại hoặc xem lại *Ngữ văn 7*, tập hai.

Bài tập 2

Câu bị động : *Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một bàn tay "đàn bà".*

Tác dụng : tạo sự liên kết ý với câu đi trước, nghĩa là tiếp tục đề tài nói về "hắn". Phân tích như ở bài tập 1.

Bài tập 3

Cần viết một đoạn văn về nhà văn Nam Cao, trong đó có dùng câu bị động. Sau đó giải thích lí do dùng câu bị động và phân tích tác dụng của câu bị động đó. Khi giải thích và phân tích, cần dựa vào sự liên kết về ý với các câu đi trước.

DÙNG KIỂU CÂU CÓ KHỞI NGỮ

Bài tập 1

a) Câu có khởi ngữ : *Hành thì nhà thị may lại còn.*

– Khởi ngữ : *Hành.*

– GV gợi dẫn để HS nhớ lại khái niệm *khởi ngữ.* Khởi ngữ là thành phần câu nêu lên đề tài của câu, là điểm xuất phát của điều thông báo trong câu. Đặc điểm :

+ Khởi ngữ luôn luôn đứng đầu câu.

+ Khởi ngữ tách biệt với phần còn lại của câu bằng từ *thì,* hoặc từ *là,* hoặc quãng ngắt (dấu phẩy).

+ Trước khởi ngữ có thể có hư từ *còn, về, đối với,...*

Về *khởi ngữ,* xem *Ngữ văn 9,* tập hai.

b) So sánh câu trên (câu có khởi ngữ : "*Hành* thì nhà thị may lại còn") với câu tương đương về nghĩa nhưng không có khởi ngữ : "Nhà thị may lại còn hành", ta thấy :

– Hai câu tương đương về nghĩa cơ bản : biểu hiện cùng một sự việc.

– Câu có khởi ngữ liên kết chặt chẽ hơn về ý với câu đi trước nhờ sự đối lập giữa các từ *gạo* và *hành* (hai thứ cần thiết để nấu cháo hành). Vì thế viết như nhà văn Nam Cao là tối ưu.

Bài tập 2

Các câu trong đoạn văn đều nói về "tôi" : quê quán, vẻ đẹp thể hiện qua bím tóc, cổ. Cho nên nếu câu tiếp theo nói về *mắt* thì cần dùng từ *mắt* ở đầu câu để biểu hiện đề tài, tạo nên mạch thống nhất về đề tài. Nếu viết câu đó theo phương án A thì không tạo được mạch ý vì đột ngột chuyển sang đề tài *các anh lái xe.* Nếu viết theo như phương án B thì câu văn là câu bị động gây ấn tượng nặng nề. Nếu viết theo phương án D thì đảm bảo được mạch ý, nhưng không dẫn được nguyên văn lời các anh lái xe vì trong trường hợp này, việc dẫn nguyên văn lời các anh lái xe tạo nên ấn tượng kiêu hãnh của cô gái và sắc thái ý nhị của lời kể chuyện. Chỉ có phương án C là thích hợp nhất đối với đoạn văn.

Bài tập 3

a) Câu thứ hai có khởi ngữ : *Tự tôi.*

– Vị trí : Ở đầu câu, trước chủ ngữ.

– Có quãng ngắt (dấu phẩy) sau khởi ngữ.

– Tác dụng của khởi ngữ : Nêu một đề tài có quan hệ liên tưởng (giữa đồng bào – người nghe, và tôi – người nói) với điều đã nói trong câu trước (*đồng bào – tôi*).

b) Câu thứ hai có khởi ngữ : *Cảm giác, tình tự, đời sống cảm xúc.*

– Vị trí : Ở đầu câu, trước chủ ngữ (*ấy*).

– Có quãng ngắt (dấu phẩy) sau khởi ngữ.

– Tác dụng của khởi ngữ : Nêu một đề tài có quan hệ với điều đã nói trong câu đi trước (thể hiện thông tin đã biết từ câu đi trước) : *tình yêu ghét, niềm vui buồn, ý đẹp xấu* (câu trước) → *Cảm giác, tình tự, đời sống cảm xúc* (khởi ngữ ở câu sau).

DÙNG KIỂU CÂU CÓ TRẠNG NGỮ CHỈ TÌNH HUỐNG

Bài tập 1

a) Phần in đậm nằm ở vị trí đầu câu.

b) Phần in đậm có cấu tạo là cụm động từ.

c) Chuyển : *Bà già kia thấy thị hỏi, bật cười.*

Nhận xét : Sau khi chuyển, câu có hai vị ngữ, hai vị ngữ đó cùng có cấu tạo là các cụm động từ, cùng biểu hiện hoạt động của một chủ thể là *Bà già kia*. Nhưng viết theo kiểu câu có một cụm động từ ở trước chủ ngữ thì câu nối tiếp về ý rõ ràng hơn với câu trước đó.

Bài tập 2

Ở vị trí để trống trong đoạn văn, tác giả đã lựa chọn câu ở phương án C (*Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời*), nghĩa là lựa chọn kiểu câu có trạng ngữ chỉ tình huống, mà không chọn các kiểu câu khác, vì :

– Kiểu câu ở phương án A (có trạng ngữ chỉ thời gian *khi*). Nếu viết theo phương án này thì sự việc ở câu này và câu trước đó như xa nhau, cách một quãng thời gian.

– Kiểu câu ở phương án B (câu có hai vế, đều có đủ chủ ngữ và vị ngữ). Kiểu câu này lặp lại chủ ngữ (Liên) không cần thiết, gây cho câu văn ấn tượng nặng nề.

– Kiểu câu ở phương án D (câu có 1 chủ ngữ và 2 vị ngữ). Kiểu câu này không tạo được mạch liên kết ý chặt chẽ với câu trước.

Chỉ có kiểu câu C vừa đúng về ý, vừa liên kết ý chặt chẽ, vừa mềm mại, uyển chuyển.

Bài tập 3

a) Trạng ngữ : *Nhận được phiến trát của Sơn Hưng Tuyên đốc bộ đường* (câu đầu).

b) Đây là câu đầu văn bản nên tác dụng của trạng ngữ này không phải là liên kết văn bản, cũng không phải là thể hiện thông tin đã biết, mà là phân biệt tin thứ yếu (thể hiện ở phần phụ đầu câu) với tin quan trọng (thể hiện ở phần vị ngữ chính của câu : *quay lại hỏi thầy thơ lại giúp việc*).

TỔNG KẾT VỀ VIỆC SỬ DỤNG BA KIỂU CÂU TRONG VĂN BẢN

– Thành phần chủ ngữ trong kiểu câu bị động, thành phần khởi ngữ và thành phần trạng ngữ chỉ tình huống đều chiếm vị trí đầu câu.

– Các thành phần kể trên thường thể hiện nội dung thông tin đã biết từ những câu đi trước trong văn bản, hay thể hiện một nội dung dễ dàng liên tưởng từ những điều đã biết ở những câu đi trước, hoặc một thông tin không quan trọng.

– Vì vậy, việc sử dụng những câu kiểu câu bị động, câu có thành phần khởi ngữ, câu có trạng ngữ chỉ tình huống có tác dụng liên kết ý, tạo mạch lạc trong văn bản.

III – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (Chủ biên), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000.

2. Đỗ Hữu Châu – Bùi Minh Toán, *Đại cương ngôn ngữ học*, tập một, Sđd.

3. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Sđd.